BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

BẢNG GHI ĐIỂM
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TÊN MÔN: ANH NGỮ 3
MÃ MÔN: ENG 2201
Ngày thi: 11/10/2014

Lớp: N19DLK
Tín chỉ: 2
Học kì: 3
Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
					10%					30%	60%	100%		
						1	1							
1	1912711402	Nguyễn Thị Hoài	**An**	**N19DLK1**	5	7	6			6.5	3.0	0.0	*Không*	
2	1913711412	Nguyễn Trần Hoài	**Bảo**	**N19DLK1**	7	5	6			5.5	4.0	0.0	*Không*	
3	1913711411	Thái Nguyên	**Bảo**	**N19DLK1**	0	0	0			0.0	CT	0.0	*Không*	
4	1912711424	Lê Thùy	**Dung**	**N19DLK1**	7	6	7			6.5	5.5	6.0	*Sáu*	
5	1912711433	Lê Thị Khánh	**Hà**	**N19DLK1**	5	7	10			8.5	6.0	6.7	*Sáu phẩy Bảy*	
6	1913711439	Bùi Đức	**Hiển**	**N19DLK1**	2	1	1			1.0	CT	0.0	*Không*	
7	1913711441	Nguyễn Thanh	**Hòa**	**N19DLK1**	0	0	0			0.0	CT	0.0	*Không*	
8	1912711447	Hà Thị Thanh	**Huyền**	**N19DLK1**	6	7	6			6.5	4.0	0.0	*Không*	
9	1912711448	Trần Lưu Kim	**Huyền**	**N19DLK1**	5	6	6			6.0	5.0	5.3	*Năm phẩy Ba*	
10	1913711450	Trương Nguyễn Đăng	**Khoa**	**N19DLK1**	5	7	6			6.5	4.0	0.0	*Không*	
11	1913711455	Đỗ Hồ Nhật	**Lam**	**N19DLK1**	0	0	0			0.0	CT	0.0	*Không*	
12	1812119390	Bríu Hồng	**Lê**	**N19DLK1**	6	6	6			6.0	4.0	0.0	*Không*	
13	1912711460	Trần Ngọc	**Mai**	**N19DLK1**	5	6	8			7.0	5.0	5.6	*Năm phẩy Sáu*	
14	1913711463	Võ Đức Hoài	**Nam**	**N19DLK1**	8	7	6			6.5	5.0	5.8	*Năm phẩy Tám*	
15	1912711465	Trần Thị	**Nga**	**N19DLK1**	8	7	7			7.0	6.5	6.8	*Sáu phẩy Tám*	
16	1912711467	Lâm Khả	**Ngân**	**N19DLK1**	6	6	5			5.5	6.5	6.2	*Sáu phẩy Hai*	
17	1913711476	Nguyễn Thành	**Nhân**	**N19DLK1**	5	7	6			6.5	5.5	5.8	*Năm phẩy Tám*	
18	1913711489	Hoàng Ngọc Minh	**Quang**	**N19DLK1**	6	8	10			9.0	7.5	7.8	*Bảy phẩy Tám*	
19	1913711490	Nguyễn Văn	**Quý**	**N19DLK1**	6	8	8			8.0	5.5	6.3	*Sáu phẩy Ba*	
20	1912711493	Lê Thị Hạ	**Quyên**	**N19DLK1**	5	7	7			7.0	5.5	5.9	*Năm phẩy Chín*	
21	1912711497	Phạm Ngọc Bảo	**Quỳnh**	**N19DLK1**	7	6	7			6.5	4.0	0.0	*Không*	
22	1913711498	Nguyễn Nhật	**Tân**	**N19DLK1**	6.5	10	10			10.0	8.0	8.5	*Tám phẩy Năm*	
23	1913711501	Hoàng	**Thành**	**N19DLK1**	6	7	7			7.0	6.0	6.3	*Sáu phẩy Ba*	
24	1912711503	Trần Thị Thu	**Thảo**	**N19DLK1**	9	7	6			6.5	6.5	6.8	*Sáu phẩy Tám*	
25	1912711504	Nguyễn Thị Minh	**Thảo**	**N19DLK1**	5	8	1			4.5	CT	0.0	*Không*	
26	1912711520	Cần Thị Thủy	**Tiên**	**N19DLK1**	2	1	1			1.0	CT	0.0	*Không*	
27	1913711530	Lưu Văn Minh	**Trung**	**N19DLK1**	5	8	6			7.0	6.0	6.2	*Sáu phẩy Hai*	
28	1913711529	Ngô Quốc	**Trung**	**N19DLK1**	2	6	1			3.5	CT	0.0	*Không*	
29	1912711533	Nguyễn Thị Minh	**Tuyền**	**N19DLK1**	6	8	6			7.0	6.0	6.3	*Sáu phẩy Ba*	
30	1912711535	Ngô Thị Thanh	**Vân**	**N19DLK1**	7	7	7			7.0	5.0	5.8	*Năm phẩy Tám*	
31	1913711536	Nguyễn Lê Duy	**Vấn**	**N19DLK1**	1	1	1			1.0	CT	0.0	*Không*	
32	1912711541	Đặng Thị Thúy	**Vy**	**N19DLK1**	9	7	5			6.0	5.0	5.7	*Năm phẩy Bảy*	
33	1913711403	Nguyễn Đình	**An**	**N19DLK2**	7.5	6	7			6.5	6.0	6.3	*Sáu phẩy Ba*	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

BẢNG GHI ĐIỂM
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TÊN MÔN: ANH NGỮ 3
MÃ MÔN: ENG 2201
Ngày thi: 11/10/2014

Lớp: N19DLK
Tín chỉ: 2
Học kì: 3
Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
34	1912711407	Mai Thị Phương	**Anh**	**N19DLK2**	5.5	6	5			5.5	3.0	0.0	*Không*	
35	1912711404	Nguyễn Thị Vân	**Anh**	**N19DLK2**	2	1	1			1.0	CT	0.0	*Không*	
36	1913711410	Nguyễn Đình	**Bá**	**N19DLK2**	2	6	1			3.5	CT	0.0	*Không*	
37	1913711420	Nguyễn Tấn	**Định**	**N19DLK2**	9	7	6			6.5	2.0	0.0	*Không*	
38	1813119349	Lê	**Đức**	**N19DLK2**	6	8	9			8.5	7.5	7.7	*Bảy phẩy Bảy*	
39	1913711427	Lê Phạm Quang	**Duy**	**N19DLK2**	6	6	6			6.0	6.0	6.0	*Sáu*	
40	1912711434	Nguyễn Thị Duy	**Hà**	**N19DLK2**	7	7	7			7.0	5.5	6.1	*Sáu phẩy Một*	
41	1912711438	Trần Thị Thu	**Hiền**	**N19DLK2**	10	8	9			8.5	6.5	7.5	*Bảy phẩy Năm*	
42	1913711442	Hồ Ngọc	**Hoàng**	**N19DLK2**	8	7	8			7.5	7.0	7.3	*Bảy phẩy Ba*	
43	1913711443	Trần Đức	**Hưng**	**N19DLK2**	0	0	0			0.0	CT	0.0	*Không*	
44	1913711452	Trần Duy	**Khoa**	**N19DLK2**	5.5	8	5			6.5	6.0	6.1	*Sáu phẩy Một*	
45	1913711454	Nguyễn Toàn	**Khôi**	**N19DLK2**	6.5	7	7			7.0	7.0	7.0	*Bảy*	
46	1913711461	Thái Bình	**Minh**	**N19DLK2**	6	10	10			10.0	7.5	8.1	*Tám phẩy Một*	
47	1912711468	Lê Thị Kiều	**Ngân**	**N19DLK2**	7.5	8	7			7.5	7.5	7.5	*Bảy phẩy Năm*	
48	1913711477	Phạm Văn	**Nhân**	**N19DLK2**	7	6	6			6.0	6.5	6.4	*Sáu phẩy Bốn*	
49	1913711479	Nguyễn Quang	**Nhật**	**N19DLK2**	7	7	8			7.5	5.0	6.0	*Sáu*	
50	1913711483	Lê Văn	**Nhựt**	**N19DLK2**	5	7	7			7.0	7.0	6.8	*Sáu phẩy Tám*	
51	1913711484	Thân Đăng Hồng	**Phú**	**N19DLK2**	10	7	7			7.0	6.5	7.0	*Bảy*	
52	1913711491	Phạm Bảo	**Quý**	**N19DLK2**	2	1	1			1.0	CT	0.0	*Không*	
53	1912711510	Dương Thị Ngọc	**Thu**	**N19DLK2**	6	6	7			6.5	7.0	6.8	*Sáu phẩy Tám*	
54	1912711512	Nguyễn Nguyễn Hoài	**Thương**	**N19DLK2**	8	8	9			8.5	7.0	7.6	*Bảy phẩy Sáu*	
55	1912711517	Nguyễn Thị Như	**Thủy**	**N19DLK2**	7	5	7			6.0	HP	0.0	*Không*	
56	1913711526	Nguyễn Kim	**Trí**	**N19DLK2**	0	0	0			0.0	CT	0.0	*Không*	
57	1913711527	Phạm Nguyễn Minh	**Trí**	**N19DLK2**	2	1	1			1.0	CT	0.0	*Không*	
58	1912711528	Hồ Thị Tú	**Trinh**	**N19DLK2**	7	6	6			6.0	6.0	6.1	*Sáu phẩy Một*	
59	1913711532	Hà Xuân	**Trường**	**N19DLK2**	6.5	7	7			7.0	3.0	0.0	*Không*	
60	1913711539	Huỳnh Ngọc	**Vũ**	**N19DLK2**	5	6	7			6.5	4.0	0.0	*Không*	
61	1913711538	Hồ Nguyên	**Vũ**	**N19DLK2**	6	5	7			6.0	6.0	6.0	*Sáu*	
62	1912711544	Võ Thị Ngọc	**Yến**	**N19DLK2**	2	1	1			1.0	CT	0.0	*Không*	
63	1913711408	Hồ Văn	**Anh**	**N19DLK3**	8	6	6			6.0	5.5	5.9	*Năm phẩy Chín*	
64	1913711406	Phan Lê Việt	**Anh**	**N19DLK3**	5	4	3			3.5	CT	0.0	*Không*	
65	1913711413	Võ Đức Hoài	**Bảo**	**N19DLK3**	0	0	0			0.0	CT	0.0	*Không*	
66	1912711416	Thân Thị Thảo	**Chi**	**N19DLK3**	7	6	6			6.0	5.0	5.5	*Năm phẩy Năm*	
67	1913711414	Phạm Thanh	**Chi**	**N19DLK3**	5	4	1			2.5	CT	0.0	*Không*	
68	1912711415	Trần Thị Quỳnh	**Chi**	**N19DLK3**	2	1	1			1.0	CT	0.0	*Không*	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

BẢNG GHI ĐIỂM
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TÊN MÔN: ANH NGỮ 3
MÃ MÔN: ENG 2201
Ngày thi: 11/10/2014

Lớp: N19DLK
Tín chỉ: 2
Học kì: 3
Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
69	1813719051	Lê Đình	**Đầu**	**N19DLK3**	0	0	0			0.0	CT	0.0	*Không*	
70	1913711421	Trương Đình	**Đông**	**N19DLK3**	0	0	0			0.0	CT	0.0	*Không*	
71	1913711423	Phạm Minh	**Đức**	**N19DLK3**	9	7	6			6.5	7.5	7.4	*Bảy phẩy Bốn*	
72	1913711428	Trần Hữu	**Duy**	**N19DLK3**	0	0	0			0.0	CT	0.0	*Không*	
73	1912711431	Trần Thị Hà	**Giang**	**N19DLK3**	8	7	7			7.0	6.5	6.8	*Sáu phẩy Tám*	
74	1912711432	Nguyễn Thị Trường	**Giang**	**N19DLK3**	8	7	6			6.5	4.0	0.0	*Không*	
75	1912711435	Trần Thu	**Hà**	**N19DLK3**	8	6	7			6.5	4.0	0.0	*Không*	
76	1913711437	Phùng Ngọc	**Hậu**	**N19DLK3**	2	1	1			1.0	CT	0.0	*Không*	
77	1913711440	Trương Diên Bảo	**Hiếu**	**N19DLK3**	9	8	9			8.5	6.5	7.4	*Bảy phẩy Bốn*	
78	1813719081	Nguyễn Thanh Trung	**Hiếu**	**N19DLK3**	0	0	0			0.0	CT	0.0	*Không*	
79	1913711444	Nguyễn Lê	**Hưng**	**N19DLK3**	0	0	0			0.0	CT	0.0	*Không*	
80	1912711446	Trần Nữ Hoàng	**Hường**	**N19DLK3**	2	1	1			1.0	CT	0.0	*Không*	
81	1913711453	Võ Hưng Toàn	**Khoa**	**N19DLK3**	7.5	5	5			5.0	6.5	6.2	*Sáu phẩy Hai*	
82	1813719119	Nguyễn Xuân Sơn	**Lâm**	**N19DLK3**	0	0	0			0.0	CT	0.0	*Không*	
83	1913711457	Trịnh Xuân	**Long**	**N19DLK3**	10	8	7			7.5	6.0	6.9	*Sáu phẩy Chín*	
84	1913711458	Nguyễn Nho	**Luân**	**N19DLK3**	2	1	1			1.0	CT	0.0	*Không*	
85	1913711459	Đỗ Phú	**Lượng**	**N19DLK3**	9	5	5			5.0	5.0	5.4	*Năm phẩy Bốn*	
86	1913711464	Lữ Ngọc	**Nam**	**N19DLK3**	10	8	9			8.5	HP	0.0	*Không*	
87	1912711466	Hồ Thị	**Nga**	**N19DLK3**	7.5	8	8			8.0	5.0	6.2	*Sáu phẩy Hai*	
88	1912711401	Nguyễn Thị Phương	**Ngọc**	**N19DLK3**	0	0	0			0.0	CT	0.0	*Không*	
89	1912711470	Nguyễn Thị	**Ngọc**	**N19DLK3**	2	1	1			1.0	CT	0.0	*Không*	
90	1912711472	Mai Như	**Ngọc**	**N19DLK3**	2	1	1			1.0	CT	0.0	*Không*	
91	1912711474	Phạm Thị Thúy	**Nguyên**	**N19DLK3**	8	7	8			7.5	5.0	6.1	*Sáu phẩy Một*	
92	1912711473	Trần Thảo	**Nguyên**	**N19DLK3**	8	7	7			7.0	7.5	7.4	*Bảy phẩy Bốn*	
93	1913711475	Hoa Trung	**Nguyên**	**N19DLK3**	8	7	8			7.5	8.0	7.9	*Bảy phẩy Chín*	
94	1913711478	Bùi Anh	**Nhân**	**N19DLK3**	7	8	10			9.0	7.0	7.6	*Bảy phẩy Sáu*	
95	1912711481	Huỳnh Thị Yến	**Nhi**	**N19DLK3**	8	8	8			8.0	8.0	8.0	*Tám*	
96	1912711646	Đỗ Thị Hồng	**Phúc**	**N19DLK3**	8	7	8			7.5	8.5	8.2	*Tám phẩy Hai*	
97	1813719186	Lê Hồng	**Phúc**	**N19DLK3**	0	0	0			0.0	CT	0.0	*Không*	
98	1913711487	Phạm Đức	**Phước**	**N19DLK3**	7	7	5			6.0	6.0	6.1	*Sáu phẩy Một*	
99	1913711492	Phan Ngọc	**Quý**	**N19DLK3**	8	7	7			7.0	6.5	6.8	*Sáu phẩy Tám*	
100	1912711495	Hồ Lê Thục	**Quyên**	**N19DLK3**	9	6	7			6.5	3.0	0.0	*Không*	
101	1912711494	Nguyễn Hữu Anh	**Quyên**	**N19DLK3**	5	1	1			1.0	CT	0.0	*Không*	
102	1913711499	Võ Quang	**Thái**	**N19DLK3**	2	1	1			1.0	CT	0.0	*Không*	
103	1913711500	Nguyễn Văn Hoàng	**Thắng**	**N19DLK3**	0	0	0			0.0	CT	0.0	*Không*	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

BẢNG GHI ĐIỂM
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TÊN MÔN: **ANH NGỮ 3**
MÃ MÔN: **ENG 2201**
Ngày thi: 11/10/2014

Lớp: N19DLK
Tín chỉ: 2
Học kì: 3
Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
104	1913711505	Vũ Ngọc	**Thiện**	**N19DLK3**	2	1	1			1.0	CT	0.0	*Không*	
105	1913711506	Trần Nguyên	**Thịnh**	**N19DLK3**	5	5	1			3.0	CT	0.0	*Không*	
106	1912711508	Hà Thị Thanh	**Thoa**	**N19DLK3**	7	7	5			6.0	2.0	0.0	*Không*	
107	1913711509	Nguyễn Tiến	**Thôi**	**N19DLK3**	2	1	1			1.0	CT	0.0	*Không*	
108	1912711514	Đỗ Thị Xuân	**Thương**	**N19DLK3**	8	7	7			7.0	V	0.0	*Không*	
109	1912711519	Quách Huỳnh Thy	**Thy**	**N19DLK3**	8	6	7			6.5	3.0	0.0	*Không*	
110	1913711522	Đặng Văn	**Tiến**	**N19DLK3**	8	6	7			6.5	5.0	5.8	*Năm phẩy Tám*	
111	1913711523	Đinh Văn	**Toàn**	**N19DLK3**	0	0	0			0.0	CT	0.0	*Không*	
112	1913711531	Lê Công	**Trung**	**N19DLK3**	10	7	7			7.0	6.5	7.0	*Bảy*	
113	1913711534	Phạm Bá	**Uy**	**N19DLK3**	8	8	7			7.5	7.0	7.3	*Bảy phẩy Ba*	
114	1912711543	Đoàn Trần Như	**Ý**	**N19DLK3**	6	8	9			8.5	6.0	6.8	*Sáu phẩy Tám*	
1	1812719118	Nguyễn Thị Ái	**Lâm**	N18DLK4	5.5	8	3			5.5	5.5	5.5	*Năm phẩy Năm*	*17416*

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	58	50%	
2	Số sinh viên nợ	57	50%	
TỔNG CỘNG :		**115**	**100%**	

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 10 năm 2014

LẬP BẢNG	KIỂM TRA	LÃNH ĐẠO KHOA	PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
	(ký và ghi rõ họ tên)	*(ký và ghi rõ họ tên)*	*(ký và ghi rõ họ tên)*
Nguyễn Thị Kim Phượng			**ThS. Nguyễn Ân**